

Số: 02/2019/QĐST- TCDS

Y, ngày 04 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30- 12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 3 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản thụ lý số: 05/2019/ TLST- TCDS ngày 07 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Nam Ph, sinh năm 1971;

Cư trú tại: Số nhà 37, ngõ 10, phường Tr, thành phố B, tỉnh Bắc Giang;

Người đại diện ủy quyền: bà Ong Thị Th- Luật sư Văn phòng luật sư V- Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang;

Theo văn bản giấy ủy quyền ngày 04/01/2019.

Bị đơn:

1. Ông Hoàng Mạnh H1 (tức Hoàng Văn H1), sinh năm 1954;

2. Bà Trần Thị M, sinh năm 1959;

Cùng cư trú tại: thôn Q, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Dương Thị H2, sinh năm 1975;

Người đại diện ủy quyền: bà Ong Thị Th- Luật sư Văn phòng luật sư V- Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang;

Theo văn bản giấy ủy quyền ngày 04/01/2019.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Số tiền nợ:** Bà Ong Thị Th là người đại diện ủy quyền của anh Trần Nam Ph, chị Dương Thị H và ông Hoàng Mạnh H1 (tức Hoàng Văn H1), bà Trần Thị M thỏa thuận ông H1 và bà M nợ anh Ph và chị H2 500.000.000đ tiền gốc.

- **Phương thức thanh toán:** Bà Ong Thị Th là người đại diện ủy quyền của anh Trần Nam Ph, chị Dương Thị H2 và ông Hoàng Mạnh H1 (tức Hoàng Văn H1) và bà Trần Thị M thỏa thuận ông H1, bà M trả anh Ph, chị H2 số tiền gốc còn nợ là 500.000.000đ, cụ thể như sau:

- Ngày 20/4/2019 (Dương lịch) trả số tiền 20.000.000đ;
- Ngày 20/5/2019 (Dương lịch) trả số tiền 20.000.000đ;
- Ngày 20/6/2019 (Dương lịch) trả số tiền 20.000.000đ;
- Ngày 20/7/2019 (Dương lịch) trả số tiền 20.000.000đ;
- Ngày 20/8/2019 (Dương lịch) trả số tiền 20.000.000đ;
- Ngày 20/9/2019 (Dương lịch) trả số tiền 20.000.000đ;
- Ngày 20/10/2019 (Dương lịch) trả số tiền 20.000.000đ;
- Ngày 20/11/2019 (Dương lịch) trả số tiền 20.000.000đ;
- Ngày 20/12/2019 (Dương lịch) trả số tiền 20.000.000đ;
- Ngày 20/01/2020 (Dương lịch) trả số tiền 20.000.000đ;
- Ngày 20/02/2020 (Dương lịch) trả số tiền 20.000.000đ;
- Ngày 20/3/2020 (Dương lịch) trả số tiền 20.000.000đ;
- Ngày 20/4/2020 (Dương lịch) trả số tiền 20.000.000đ;
- Ngày 20/5/2020 (Dương lịch) trả số tiền 20.000.000đ;
- Ngày 20/6/2020 (Dương lịch) trả số tiền 20.000.000đ;
- Ngày 20/7/2020 (Dương lịch) trả số tiền 20.000.000đ;
- Ngày 20/8/2020 (Dương lịch) trả số tiền 20.000.000đ;
- Ngày 20/9/2020 (Dương lịch) trả số tiền 20.000.000đ;
- Ngày 20/10/2020 (Dương lịch) trả số tiền 20.000.000đ;
- Ngày 20/11/2020 (Dương lịch) trả số tiền 20.000.000đ;
- Ngày 20/12/2020 (Dương lịch) trả số tiền 20.000.000đ;
- Ngày 20/01/2021 (Dương lịch) trả số tiền 20.000.000đ;
- Ngày 20/02/2021 (Dương lịch) trả số tiền 20.000.000đ;
- Ngày 20/3/2021 (Dương lịch) trả số tiền 20.000.000đ;
- Ngày 20/4/2021 (Dương lịch) trả số tiền 20.000.000đ;

Trường hợp ông H1 và bà M không tự nguyện thi hành nghĩa vụ trả nợ trong 02 tháng liên tiếp thì anh Ph, chị H2 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án, thi hành toàn bộ khoản tiền nợ.

Anh Ph trả ông H1 và bà M 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM686752, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00278 cấp ngày 12/12/2012 ngay sau khi ông H1 và bà M thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30- 12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông H1 và bà M.

Anh Trần Nam Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Ph 12.000.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002988 ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS nhân dân huyện Yên Dũng (02b);
- THA;
- Đường sự; lưu HS, VP.

Bùi Thị Hương